

SIÊU THỊ MÁY XÂY DỰNG



CÔNG TY CP
TỔNG CÔNG TY
VĨNH PHÚ

NGƯỜI TỐT - SẢN PHẨM TỐT



Nguyễn Xuân Tuấn
CHỦ TỊCH

THÔNG DIỆP

Của CHỦ TỊCH

VITRAC “Nhà Cung Cấp Máy Xây Dựng Chuyên Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam”

VITRAC khao khát mang đến sự phồn vinh, thịnh vượng và phát triển bền vững cho đối tác, khách hàng, nhân viên, cổ đông và xã hội. VITRAC tự hào đã góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng của đất nước bằng việc cung cấp những công nghệ và thiết bị tiên tiến hàng đầu thế giới cho các công trình tại Việt Nam.

Với tiêu chí “VITRAC - NGƯỜI TỐT, SẴN PHẨM TỐT” và phương châm hoạt động “TẤT CẢ VÌ QUYỀN LỢI CỦA KHÁCH HÀNG VÀ BẠN HÀNG”, VITRAC tự hào là thương hiệu đem đến sự tin cậy cho các nhà thầu và chủ đầu tư. VITRAC gần gũi, đồng hành, thấu hiểu những khó khăn của khách hàng và không ngừng tìm kiếm giải pháp mang đến những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất.

Bằng năng lực chuyên môn, uy tín nghề nghiệp và danh dự, VITRAC luôn đặt lợi ích chính đáng của khách hàng lên trên lợi nhuận của Công ty. VITRAC hạnh phúc vì được PHỤNG SỰ và góp phần khiêm nhường vào sự thành công của chủ đầu tư, các nhà thầu và các đối tác.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, tất cả thành viên của Công ty đang từng ngày xây dựng ngôi nhà chung VITRAC trở thành nơi có môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính trực, thân thiện, hợp tác và đoàn kết, nơi từng cá nhân được nuôi dưỡng, sàng lọc, đào tạo về chuyên môn và xây dựng về nhân cách để cống hiến tối đa cho tập thể và xã hội.

Với năng lực hiện có: Hệ thống bán hàng, chăm sóc khách hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, thương hiệu và năng lực tài chính đã và đang được xây dựng, phát triển hơn 30 năm qua trên phạm vi cả nước, VITRAC luôn mở rộng cửa mời gọi, chào đón đối tác là những cá nhân, doanh nghiệp có khát vọng kinh doanh, làm giàu chính đáng gia nhập đại gia đình VITRAC dựa trên cơ sở thượng tôn pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng của các bên.

Kinh doanh chân chính không chỉ là tìm kiếm lợi nhuận, VITRAC hiểu rõ trách nhiệm của mình với xã hội. VITRAC tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường, tạo việc làm, thu nhập và phúc lợi ngày càng cao cho nhân viên, cổ đông. Tích cực tham gia công tác từ thiện, xã hội với chữ TÂM trong sáng.

KINH DOANH LÀ ĐỂ PHỤNG SỰ XÃ HỘI

CHỦ TỊCH

NGUYỄN XUÂN TUẤN



SIÊU THỊ MÁY XÂY DỰNG





TỔNG QUAN

Về công ty



PHÁP NHÂN

Công ty Cổ Phần Tổng Công Ty Vĩnh Phú



THƯƠNG HIỆU GIAO DỊCH

VITRAC



TRỤ SỞ CHÍNH

990, Xa Lộ Hà Nội, Kp.2, P. Tam Hiệp, T. Đồng Nai, Việt Nam



MÃ SỐ THUẾ

3600437439



VỐN ĐIỀU LỆ

~USD15m



NĂM THÀNH LẬP

1995



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tuấn



TEL/EMAIL

(0251) 383 1615 | vinhphu@vitrac.vn



NGÀNH NGHỀ

Cung cấp máy xây dựng, thương mại, dịch vụ và đầu tư



NHÂN SỰ

~250



DOANH THU

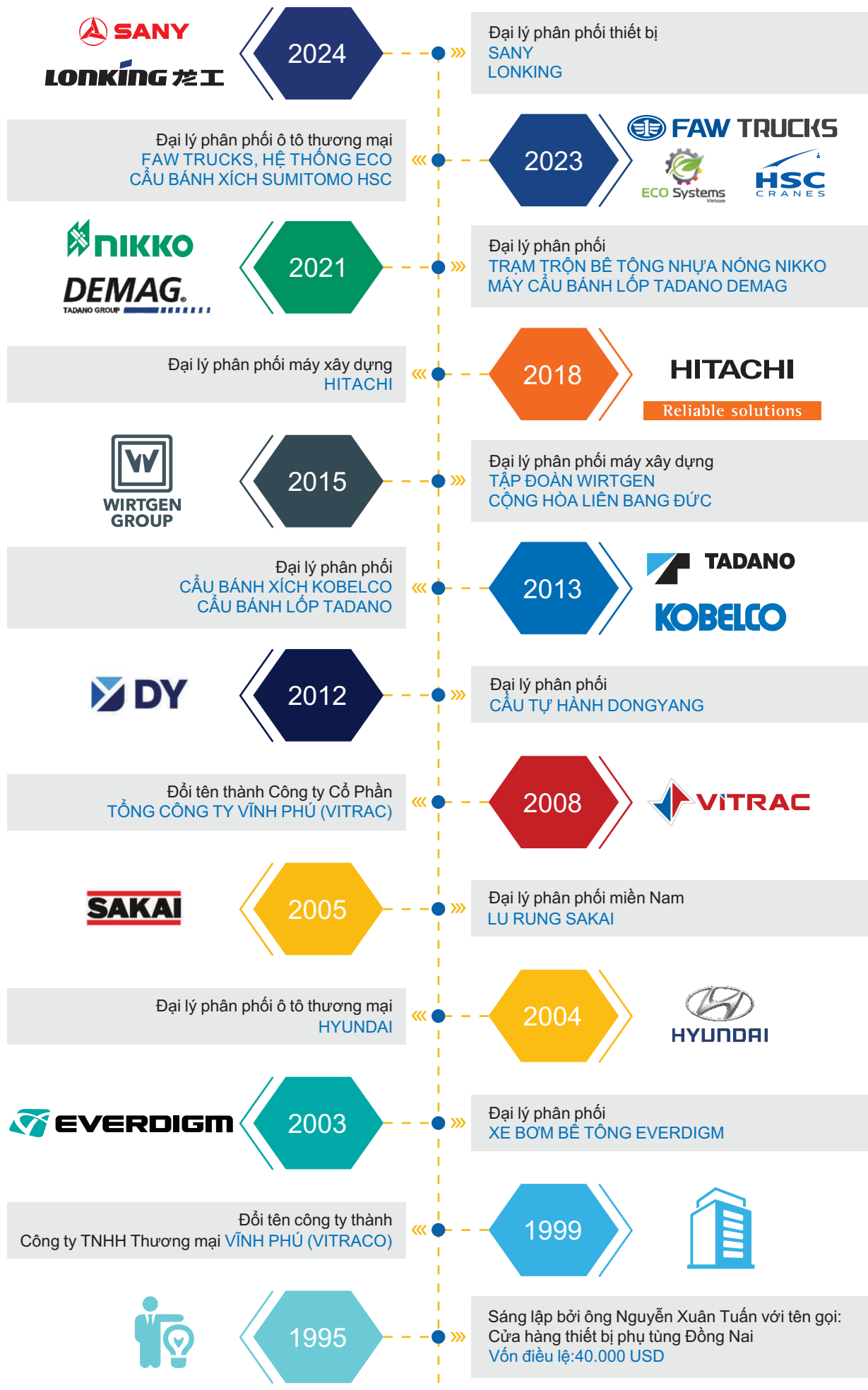
~USD50m



SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

Hơn 6000 khách hàng liên quan đến ngành nghề xây dựng, hạ tầng, dân dụng và khai thác mỏ

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





TẦM NHÌN

Đất nước phát triển bền vững, giàu đẹp nhờ tối ưu công nghệ, thiết bị xây dựng, tái tạo nguyên liệu và bảo vệ môi trường.

SỨ MỆNH

Khai phóng tiềm lực, nâng cấp con người, nhà thầu, chủ đầu tư, sản phẩm cơ sở hạ tầng giao thông với các giải pháp toàn diện về đào tạo, nâng cao năng lực, ứng dụng công nghệ mới.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

1

CHÍNH TRỰC: Chúng tôi trung thực, ngay thẳng, hành động đúng đắn và minh bạch trong mọi quyết định. Chúng tôi không cố làm hài lòng người khác nếu điều đó đi ngược với sự chính trực.

2

CHUYÊN MÔN HOÁ: Chúng tôi đam mê, thành thạo và hiểu biết rõ ngành nghề mà chúng tôi đang phục vụ. Chúng tôi tôn trọng và giữ đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ với khách hàng cũng như đối thủ cạnh tranh.

3

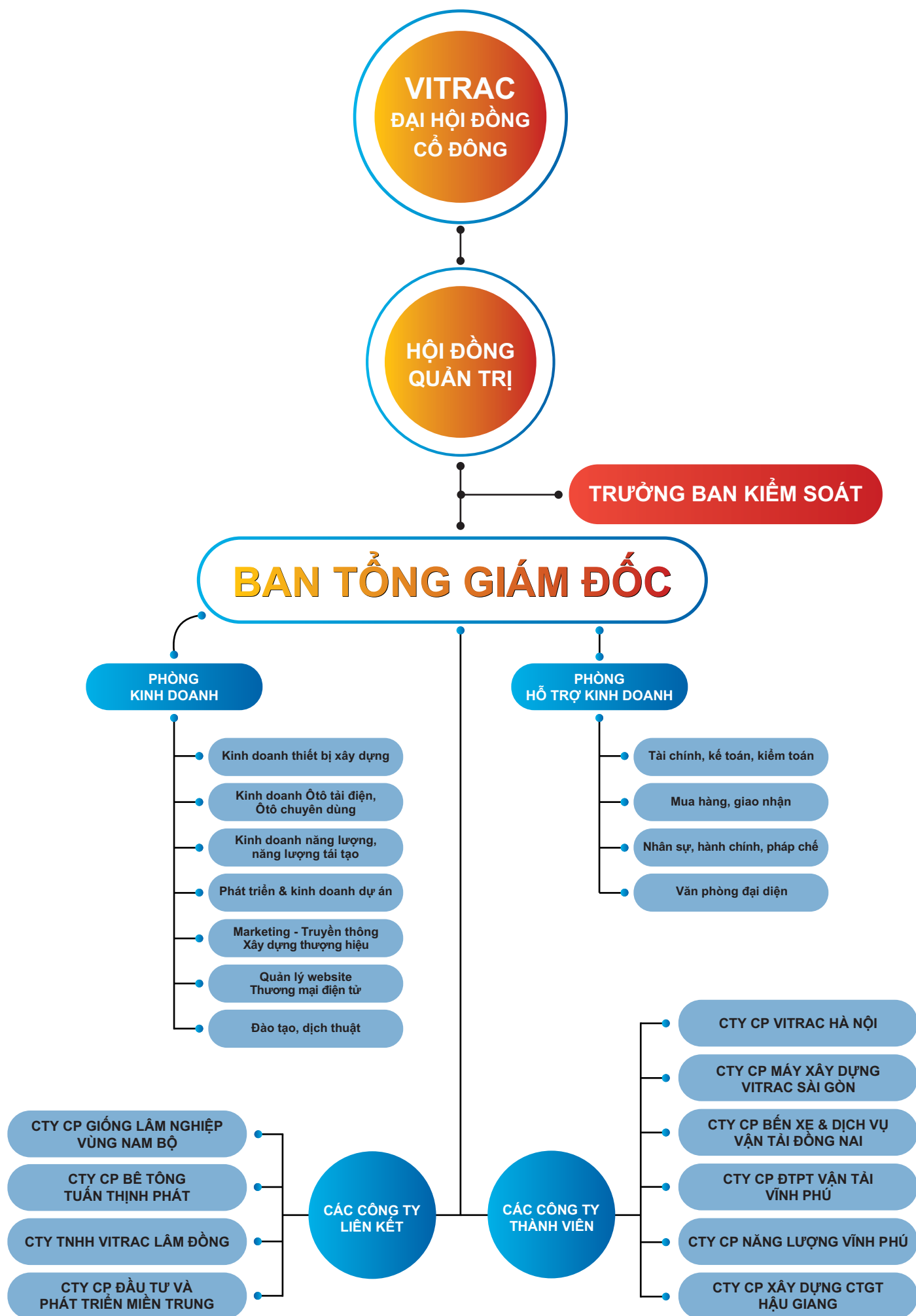
PHÁT TRIỂN BẢN THÂN: Chúng tôi ý thức chúng tôi còn có những thiếu sót của riêng mình nên luôn cởi mở đón nhận góp ý chân thành và thẳng thắn từ đồng nghiệp, khách hàng và không ngừng học hỏi để hoàn thiện bản thân và tổ chức.

4

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI: Mỗi cá nhân là thành viên của gia đình và mỗi gia đình là phần tử của xã hội. Chúng tôi định hướng nhân viên cân bằng trách nhiệm trong công việc và trách nhiệm đối với gia đình, từ đó chia sẻ trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng bằng ý thức và hành động cụ thể.

5

CAM KẾT: Chúng tôi hiểu rõ và luôn thực hiện cam kết của mình. Với chúng tôi danh dự, uy tín là cực kỳ quan trọng trong mối quan hệ bền vững lâu dài với đồng nghiệp, Công ty và Đối tác.



SẢN PHẨM



**WIRTGEN
GROUP**



WIRTGEN / VÖGELE / HAMM / KLEEMANN

**WIRTGEN**

MÁY CÀO BÓC

Máy cào bóc bánh lốp

Model	Bề rộng cắt	Bề sâu cắt	Công suất tối đa	Tải trọng vận hành
W 50 R	500 mm	0 – 210 mm	100 kW/136 PS	6,930 kg
W 60 R	600 mm	0 – 210 mm	100 kW/136 PS	7,450 kg
W 100 R	1,000 mm	0 – 300 mm	155 kW/211 PS	14,700 kg
W 120 R	1,200 mm	0 – 300 mm	155 kW/211 PS	15,350 kg



Máy cào bóc bánh xích

Model	Bề rộng cắt	Bề sâu cắt	Công suất tối đa	Tải trọng vận hành
W 100 F	1,000 mm	0 – 330 mm	261 kW/355 PS	19,700 kg
W 120 F	1,200 mm	0 – 330 mm	261 kW/355 PS	20,700 kg
W 130 F	1,300 mm	0 – 330 mm	261 kW/355 PS	21,100 kg
W 150 F	1,500 mm	0 – 330 mm	276 kW/375 PS	20,900 kg



Máy cào bóc cỡ lớn bánh xích

Model	Bề rộng cắt	Bề sâu cắt	Công suất tối đa	Tải trọng vận hành
W 210 XF	2,000 mm	0 – 330 mm	575 kW/789 PS	29,800 kg
W 200 F	2,000 mm	0 – 330 mm	455 kW/619 PS	28,200 kg



MÁY TÁI CHẾ / GIA CỐ NỀN

Máy tái chế nguội

Model	Bề rộng tái chế	Bề sâu tái chế	Công suất tối đa	Tải trọng vận hành
W 240 CR	2,350 mm	0 – 350 mm	708 kW/963 PS	48,500 kg
W 380 CR	3,800 mm	0 – 350 mm	708 kW/963 PS	53,000 kg



Máy tái chế nguội và gia cố nền

Model	Bề rộng tái chế	Bề sâu tái chế	Công suất tối đa	Tải trọng vận hành
WR 250 X	2,400 mm	0 – 560 mm	571 kW/777 PS	31,700 kg
WR 200 X	2,000 mm	0 – 500 mm	315 kW/428 PS	24,200 kg
WR 240 X	2,400 mm	0 – 510 mm	455 kW/619 PS	30,000 kg
WRS 240 X	2,400 mm	0 – 510 mm	455 kW/619 PS	33,800 kg



Trạm trộn tái chế nguội di động

Model	Công suất trộn tối đa	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
KMA 240	240 t/h	129.4 kW/176 PS	31,650 kg



Máy thí nghiệm hỗn hợp tái chế nguội và gia cố nền

Model	Kích thước	Nhiệt độ nhựa	Trọng lượng tịnh
WLM 30	1,085 x 770 x 960 mm	30 kg	220 kg





WIRTGEN



MÁY TRẢI BÊ TÔNG XI MĂNG

Máy trải bê tông xi măng offset

Model	Bề rộng trải	Bề dày lớp trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SP 33	max.2,200 mm Offset	1,300 mm (offset)	92 kW/125 PS	10,000 – 17,000 kg
SP 61	max.4,000 mm	3,000 mm	155 kW/211 PS	16,000 – 27,500 kg



Máy trải bê tông xi măng inset

Model	Bề rộng trải	Bề dày lớp trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SP 62	3,500 – 7,500 mm	450 mm	155 kW/211 PS	17,000 – 36,000 kg
SP 64	2,000 – 7,500 mm	450 mm	155 kW/211 PS	21,000 – 54,000 kg
SP 94	3,500 – 9,500 mm	450 mm	224 kW/305 PS	30,500 – 75,000 kg
SP 124	4,500 – 12,000 mm	450 mm	272 kW/370 PS	48,000 – 106,000 kg
SP 164	5,000 – 16,000 mm	450 mm	313 kW/426 PS	48,000 – 155,000 kg



MÁY RẢI XI MĂNG

Máy rải xi măng

Model	Dung tích bồn chứa	Bề rộng rải	Năng suất rải tại 2km/h	Trọng lượng tịnh
SW 318 MC	18 m³	2,360 mm	1 – 60 kg/m²	5,100 kg
SW 418 MC	18 m³	2,360 mm	1 – 60 kg/m²	5,300 kg
SW 422 MC	22 m³	2,360 mm	1 – 60 kg/m²	5,500 kg
SW D18 MC	18 m³	2,760 mm	5 – 60 kg/m²	5,400 kg
SW D22 MC	22 m³	2,760 mm	5 – 60 kg/m²	5,800 kg
SW T13 MC	13 m³	2,760 mm	5 – 60 kg/m²	5,000 kg



MÁY KHAI THÁC MỎ LỘ THIÊN

Máy khai thác mỏ lộ thiên

Model	Bề rộng cắt	Bề sâu cắt	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
220 SM	2,200 mm	0 – 350 mm	708 kW/963 PS	53,150 kg
220 SM 3.8	3,800 mm	0 – 350 mm	708 kW/963 PS	58,050 kg
260 SX	2,750 mm	0 – 650 mm	783 kW/1,065 PS	101,110 kg
280 SM	2,750 mm	0 – 650 mm	783 kW/1,065 PS	116,110 kg
4200 SM	4,200 mm	0 – 830 mm	1,194 kW/1,623 PS	204,300 kg



**VÖGELE**

MÁY TRẢI BÊ TÔNG NHỰA NÓNG

Máy trải cỡ nhỏ

Model	Bề rộng trải	Năng suất trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SUPER 700	0.50 – 3.20 m	Lên tới 250 t/h	54 kW/73 PS	6,500 kg
SUPER 800	0.50 – 3.50 m	Lên tới 300 t/h	54 kW/73 PS	6,600 kg



Máy trải cỡ trung

Model	Bề rộng trải	Năng suất trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SUPER 1000	0.75 – 3.90 m	Lên tới 270 t/h	55 kW/75 PS	10,250 kg
SUPER 1003	0.75 – 3.90 m	Lên tới 230 t/h	55 kW/75 PS	10,000 kg
SUPER 1300-3 G	0.75 – 5.00 m	Lên tới 350 t/h	74.3 kW/101 PS	10,800 kg
SUPER 1303-3 G	0.75 – 4.50 m	Lên tới 250 t/h	74.3 kW/101 PS	10,200 kg
SUPER 1300-3	0.75 – 5.00 m	Lên tới 350 t/h	74.4 kW/101 PS	10,550 kg
SUPER 1303-3	0.75 – 4.50 m	Lên tới 250 t/h	74.4 kW/101 PS	10,600 kg



Máy trải cỡ lớn

Model	Bề rộng trải	Năng suất trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SUPER 1400	2.55 – 6.30 m	Lên tới 600 t/h	101 kW/137 PS	16,900 kg
SUPER 1403	2.55 – 6.00 m	Lên tới 600 t/h	101 kW/137 PS	16,100 kg
SUPER 1800-5 X	2.55 – 9.50 m	Lên tới 700 t/h	129 kW/175 PS	19,850 kg
SUPER 1803-5 X	2.55 – 8.25 m	Lên tới 700 t/h	129 kW/175 PS	19,454 kg
SUPER 1900-3 G	2.55 – 9.50 m	Lên tới 1,000 t/h	158 kW/215 PS	20,210 kg



Máy trải đường cao tốc

Model	Bề rộng trải	Năng suất trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SUPER 1900-5 X	2.55 – 11.50 m	Lên tới 900 t/h	149 kW/203 PS	22,400 kg
SUPER 2000-3	3.00 – 8.60 m	Lên tới 1,400 t/h	179 kW/243 PS	22,250 kg
SUPER 2003-3	3.00 – 7.75 m	Lên tới 1,400 t/h	179 kW/243 PS	20,800 kg
SUPER 2100-5 X	2.55 – 14.00 m	Lên tới 1,100 t/h	187 kW/254 PS	23,300 kg
SUPER 3000-3	3.00 – 18.00 m	Lên tới 1,800 t/h	354 kW/481 PS	31,800 kg



Máy trải đặc biệt

Model	Bề rộng trải	Năng suất trải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
SUPER 1800-3 SprayJet	2.55 – 9.00 m	Lên tới 700 t/h	127 kW/173 PS	22,420 kg
SUPER 2100-3 IP	3.00 – 8.50 m	Lên tới 1,100 t/h	179 kW/243 PS	29,000 kg



MÁY CẤP LIỆU

Model	Tốc độ làm việc	Năng suất băng tải	Công suất động cơ	Tải trọng vận hành
MT 3000-5 Standard	Lên tới 25 m/min	Lên tới 1,200 t/h	142 kW/193 PS	19,665 kg
MT 3000-5 Offset	Lên tới 25 m/min	Lên tới 1,200 t/h	142 kW/193 PS	24,185 kg



BÀN ĐÀM

Model	SB 300	SB 300 HD	SB 350
Bề rộng cơ sở	3 m	3 m	3,5 m
Bề rộng trải lớn nhất	16 m	12 m	18 m





HAMM



MÁY LU 1 BÁNH THÉP

V : trống rung / VIO : kết hợp trống rung & trống day / P : vỏ áo chân cừu / R : làm đá



Model	Trọng lượng	Chiều rộng trống lu	Công suất động cơ	Kiểu trống			
				V	VIO	P	R
HC 110	12 t	2,140 mm	112 kW	x		x	
HC 110 C	12 t	2,140 mm	112 kW	x		x	
HC 110 G	11 t	2,140 mm	101 kW	x		x	
HC 119 (IN)	11 t	2,140 mm	82 kW	x			
HC 129 (IN)	12 t	2,140 mm	82 kW	x			
HC 130	13 t	2,140 mm	112 kW	x	x	x	
HC 130 C	13 t	2,140 mm	112 kW	x	x	x	
HC 130 G	13 t	2,140 mm	101 kW	x		x	
HC 160	16 t	2,140 mm	112 kW	x		x	
HC 180	18 t	2,140 mm	150 kW	x		x	
HC 200	20 t	2,140 mm	150 kW	x		x	
HC 200 C	20 t	2,140 mm	150 kW	x		x	
HC 208 D (CN)	20 t	2,140 mm	154 kW	x	x		
HC 228 D (CN)	22 t	2,140 mm	154 kW	x	x		
HC 250 C	25 t	2,140 mm	150 kW	x	x		x
HC 268 D (CN)	25 t	2,140 mm	154 kW	x	x		

MÁY LU 2 BÁNH THÉP

VV : 2 trống rung / VO : 1 trống rung, 1 trống day / VT : 1 trống rung, 1 bộ bánh lốp



Model	Trọng lượng	Chiều rộng trống lu	Công suất động cơ	Chiều rộng làm việc tối đa	Kiểu trống		
					VV	VO	VT
HD 10	2.5 t	1,000 mm	22.9 kW	1,050 mm	x	x	x
HD 10 G	2.5 t	1,000 mm	18.2 kW	1,050 mm	x		
HD 12	2.5 t	1,200 mm	22.9 kW	1,250 mm	x	x	x
HD 12 G	2.5 t	1,200 mm	18.2 kW	1,250 mm	x		
HD 13	4 t	1,300 mm	34.6 kW	1,350 mm	x	x	x
HD 14	4.5 t	1,380 mm	34.6 kW	1,430 mm	x	x	x
HD 30	2.5 t	1,000 mm	24 kW	1,050 mm	x		x
HD 35	2.5 t	1,200 mm	24 kW	1,250 mm	x		x
HD 50	4.5 t	1,380 mm	36.5 kW	1,430 mm	x		x
HD+ 70	7 t	1,500 mm	55.4 kW	1,635 mm	x	x	x
HD+ 80	8 t	1,680 mm	55.4 kW	1,815 mm	x	x	x
HD+ 90	9 t	1,680 mm	100 kW	1,850 mm	x	x	x
HD 90 P	9 t	1,680 mm	97 kW	1,850 mm	x		x
HD+ 110	11 t	1,680 mm	100 kW	1,850 mm	x	x	x
HD 110 P	11 t	1,680 mm	97 kW	1,850 mm	x		x
HD+ 120	12 t	1,980 mm	100 kW	2,150 mm	x	x	
HD+ 140	14 t	2,140 mm	100 kW	2,310 mm	x	x	

MÁY LU LỐP



Model	Trọng lượng	Chiều rộng làm việc tối đa	Công suất động cơ	Tải trọng lốp	Trọng lượng làm việc tối thiểu	Trọng lượng làm việc tối đa
HP 180	8 – 18 t	2,084 mm	89 kW	1.0–2.2 t	8,505 kg	17,170 kg
HP 240	8 – 18 t	2,084 mm	89 kW	1.0–2.2 t	8,505 kg	24,000 kg
HP 280	10 – 28 t	2,084 mm	89 kW	1.3–3.5 t	9,480 kg	26,950 kg



KLEEMANN



MOBICAT – MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ DI ĐỘNG LOẠI HÀM NHAU

Model	MC 100 EVO	MC 110 EVO2	MC 120 PRO
Công suất đầu vào tối đa	220 t/h	400 t/h	650 t/h
Diện tích phễu đầu vào (DxR)	950 x 550 mm	1,100 x 700 mm	1,200 x 800 mm
Trọng lượng	31,000 kg	42,500 kg	72,500 kg*
Công suất động cơ	155 – 165 kW**	240 - 248 kW**	368 – 410 kW**



MOBIREX – MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ DI ĐỘNG LOẠI BÚA VẰNG

Model	MR 100 NEO	MR 100 NEOe	MR 110 EVO2	MR 130 EVO2	MR 130 PRO
Công suất đầu vào tối đa	250 t/h	250 t/h	350 t/h	450 t/h	600 t/h
Diện tích phễu đầu vào (DxR)	1,000 x 750 mm	1,000 x 750 mm	1,100 x 800 mm	1,300 x 900 mm	1,300 x 900 mm
Trọng lượng	29,500 kg	29,500 kg	44,500 kg	49,500 kg	64,000 kg
Công suất động cơ	240 kW	240 kW**	365 – 371 kW**	368 - 410 kW**	478 - 480 kW**



MOBICONE – MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ DI ĐỘNG LOẠI HÀM CÔN

Model	MCO 90 EVO2	MCO 110 PRO
Công suất đầu vào tối đa	270 t/h	470 t/h
Đường kính phễu nghiền	d = 970 mm	d = 1,120 mm
Trọng lượng	33,500 kg	49,500 kg
Kích cỡ vật liệu đầu vào tối đa	200 mm	240 mm



MOBISCREEN – MÁY SÀNG ĐÁ DI ĐỘNG

DÒNG SÀNG THÔ

Model	MSS 502 EVO	MSS 802 EVO	MSS 1102 PRO
Công suất đầu vào tối đa	350 t/h	500 t/h	750 t/h
Diện tích phễu đầu vào (DxR)	1,350 x 4,000 mm	1,550 x 4,880 mm	1,830 x 6,100 mm
Trọng lượng	26,500 kg	32,000 kg*	42,000 kg*
Công suất động cơ	73 - 77 kW**	94 - 98 kW**	164 kW



DÒNG SÀNG TINH

Model	MSC 702 EVO	MSC 703 EVO	MSC 952 EVO	MSC 953 EVO
Công suất đầu vào tối đa	350 t/h	350 t/h	500 t/h	500 t/h
Diện tích phễu đầu vào (DxR)	1,550 x 4,500 mm	1,550 x 4,500 mm	1,550 x 6,100 mm	1,550 x 6,100 mm
Trọng lượng	30,500 kg	33,500 kg	33,000 kg	37,000 kg
Công suất động cơ	73 - 77 kW**	73 - 77 kW**	87 - 99 kW**	87 - 99 kW**



MOBIBELT – MÁY BĂNG TẢI DI ĐỘNG

Model	MBT 20 (bánh xích)	MBT 24 (bánh xích)
Công suất đầu vào tối đa	450 t/h (600t/h*)	450 t/h (600t/h*)
Chiều cao đổ tải	8,400 mm	10,100 mm
Chiều dài băng tải	19,400 mm	22,700 mm
Trọng lượng	11,200 kg	12,600 kg



Ứng dụng: Nghiền Sàng Đá, Bê Tông Phế Liệu, Bê Tông Nhựa,... phục vụ cho tái chế vật liệu.





MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH



ZX70-5G

Trọng lượng vận hành:	6650 - 6950 kg
Công suất động cơ:	42.4 kW (56.9 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 0.13 - 0.33 m ³



ZX130-5G

Trọng lượng vận hành:	12200 - 12800 kg
Công suất động cơ:	66.0 kW (88.5 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 0.19 - 0.59 m ³



ZX200-5G

Trọng lượng vận hành:	19800 kg
Công suất động cơ:	125 kW (168 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 0.51 - 1.20 m ³



EX210LC-5G

Trọng lượng vận hành:	20600 - 20800 kg
Công suất động cơ:	98 kW (131HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 0.9 - 1.7 m ³



ZX240-5G

Trọng lượng vận hành:	23400 kg
Công suất động cơ:	132 kW (177 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 0.80 - 1.40 m ³



ZX350-7G / ZX350H-7G / ZX350LCH-7G

Trọng lượng vận hành:	31900 - 34100 kg / 34000 - 35300 kg / 34000 - 35300 kg
Công suất động cơ:	200 kW (268HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 1.38 - 1.86 m ³ / 1.38 - 2.0 m ³ / 1.38 - 2.0 m ³



ZX490-7G

Trọng lượng vận hành:	46500 - 49000 kg
Công suất động cơ:	296 kW (397HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 1.60 - 3.40 m ³



ZX490H-7G / ZX490LCH-7G /

Trọng lượng vận hành:	47000 - 48900 kg
Công suất động cơ:	296 kW (397HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 1.90 - 3.00 m ³



ZX690LC-7G / ZX690LCH-7G

Trọng lượng vận hành:	67800 - 68900 / 69100 - 70000 kg
Công suất động cơ:	345 kW (463HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 2.5 - 4.0 m ³ / 1.5 - 4.0 m ³



ZX890-7G

Trọng lượng vận hành:	81700 - 85300 kg
Công suất động cơ:	377 kW (506HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 2.9 - 4.5 m ³



ZX890H-7G / ZX890LCH-7G

Trọng lượng vận hành:	81900 - 84300 kg
Công suất động cơ:	377 kW (506HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped: 3.5 - 4.3 m ³



EX1200-6

Trọng lượng vận hành:	111000 kg
Công suất động cơ:	567 kW (760 HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA Heaped: 5.2 - 6.7 m ³ CECE Heaped: 4.6 - 5.9 m ³



EX1900-6

Trọng lượng vận hành:	192000 kg
Công suất động cơ:	810 kW (1086 HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA Heaped: 4.4 - 12.0 m ³ CECE Heaped: 3.8 - 10.6 m ³



EX2600-6

Trọng lượng vận hành:	252000 kg
Công suất động cơ:	1119 kW (1500 HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA Heaped: 17.0 m ³ CECE Heaped: 15.0 m ³



EX3600-6

Trọng lượng vận hành:	362000 kg
Công suất động cơ:	1450 kW (1944 HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA Heaped: 22.0 m ³ CECE Heaped: 19.2 m ³



MÁY ĐÀO BÁNH LỚP



ZX170W-5A

Trọng lượng vận hành:	16800 - 18300 kg
Công suất động cơ:	113 kW (152HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA heaped: 0.60 - 0.70 m ³ CECE heaped: 0.55 - 0.60 m ³



ZW190-5A

Trọng lượng vận hành:	18100 - 19800 kg
Công suất động cơ:	113 kW (152HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA heaped: 0.70 - 0.80 m ³ CECE heaped: 0.60 - 0.70 m ³



ZW210-5A

Trọng lượng vận hành:	20100 - 21600 kg
Công suất động cơ:	113 kW (152HP)
Dung tích gầu:	SAE, PCSA heaped: 0.80 - 0.91 m ³ CECE heaped: 0.70 - 0.80 m ³



BX100 (Máy xúc đào liên hợp)

Trọng lượng vận hành:	8600 - 8800 kg
Công suất động cơ:	74 kW (99 HP)
Dung tích gầu: (đào) (xúc)	0.18m ³ 0.26m ³ 0.30m ³ 1.0 - 1.1 m ³

MÁY XÚC LẬT



ZW140

Trọng lượng vận hành:	10240 - 10540 kg
Công suất động cơ:	96 kW (129 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped : 1.5 - 2.3 m ³



ZW180-5A

Trọng lượng vận hành:	14370 - 14860 kg
Công suất động cơ:	128 kW (172 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped : 2.2 - 3.3 m ³



ZW220-5A

Trọng lượng vận hành:	16810 - 17380 kg
Công suất động cơ:	144 kW (193 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped : 2.7 - 3.4 m ³



ZW310-5A

Trọng lượng vận hành:	22410 - 22860 kg
Công suất động cơ:	216 kW (290 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped : 3.4 - 4.5 m ³



ZW370-G

Trọng lượng vận hành:	28970 - 29700 kg
Công suất động cơ:	255 kW (340 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped : 4.2 - 7.5 m ³



ZW550

Trọng lượng vận hành:	45130 - 45960 kg
Công suất động cơ:	345 kW (463 HP)
Dung tích gầu:	ISO Heaped : 6.0 - 10.0 m ³

XE BEN MỎ



EH3500ACII

Trọng lượng vận hành:	309,000 kg
Công suất động cơ:	1491 kW (2000 HP)
Trọng lượng chuyên chở:	168 tấn (185 tấn)



EH4000ACII

Trọng lượng vận hành:	384000 kg
Công suất động cơ:	1864 kW (2500HP)
Trọng lượng chuyên chở:	22 tấn (244.7 tấn)



EH5000ACII

Trọng lượng vận hành:	500000 kg
Công suất động cơ:	2014 kW (2700 HP)
Trọng lượng chuyên chở:	287 tấn (315 tấn)



XE BEN MỎ

	Model:	SAT40C
	Trọng tải danh định:	45 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	83 tấn
	Công suất động cơ:	390 kW
	Model (số sàn / số tự động):	SKT90S
	Trọng tải danh định:	60 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	90 tấn / 92 tấn
	Công suất động cơ:	338 kW / 390 kW
	Model:	SKT105S
	Trọng tải danh định:	70 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	105 tấn
	Công suất động cơ:	390 kW
	Model:	SKT130S
	Trọng tải danh định:	99 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	159 tấn
	Công suất động cơ:	925 kW
	Model:	SKT160S
	Trọng tải danh định:	110 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	177 tấn
	Công suất động cơ:	925 kW
	Model:	SRT55D
	Trọng tải danh định:	61 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	105 tấn
	Công suất động cơ:	565 kW
	Model:	SRT95C
	Trọng tải danh định:	105 tấn
	Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	176 tấn
	Công suất động cơ:	783 kW

XE BEN MỎ - ĐỘNG CƠ ĐIỆN



Model:	SKT90E
Trọng tải danh định:	60 tấn
Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	97 tấn
Công suất động cơ:	740 kW
Công suất mô tơ:	220 / 370 kW
Mômen xoắn tối đa:	2300 Nm
Hộp số tự động:	3 cấp
Dung tích ắc quy (Pin lithium sắt phosphate):	350 kWh (tùy chọn 422 kWh)

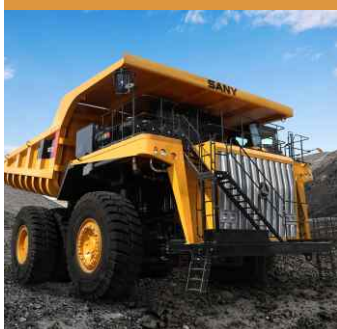


Model:	SKT105E
Trọng tải danh định:	79 tấn
Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	121 tấn
Công suất động cơ:	820 kW
Công suất liên tục / đỉnh:	570 / 820 kW
Mômen xoắn liên tục / đỉnh:	1600 / 2430 Nm
Hộp số tự động:	3 cấp
Dung tích ắc quy (Pin lithium sắt phosphate):	423 kWh

XE BEN MỎ - DIESEL ĐIỆN



Model:	SET150S
Trọng tải danh định:	150 tấn
Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	266 tấn
Công suất tổng:	≥ 1400 kW
Động cơ:	2 x Weichai WP17



Model:	SET240S
Trọng tải danh định:	240 tấn
Tổng trọng lượng (GW) lên tới:	410 tấn
Công suất tổng:	≥ 2091 kW
Động cơ:	3 x Weichai WP17

TRẠM SẠC - TRỤ SẠC

TRỤ SẠC SANY 360 kW



Nguồn điện đầu vào:	AC 400 V
Nguồn điện đầu ra:	200 - 1000 VDC, 200 A, 360 KW
Súng sạc:	2
Thời gian sạc:	20 - 80% (< 1h)

TRẠM KẾT HỢP SANY (sạc & thay pin) SY310



Cấu hình cơ bản	4 hệ thống sạc trong + 2 hệ thống sạc ngoài
Nguồn điện:	380 V
Công suất:	1250 KVA
Thời gian sạc:	< 1h
Thời gian thay pin:	< 300s

TRỤ SẠC SINEXCEL



Nguồn điện đầu vào:	304 - 456 VAC
Nguồn điện đầu ra:	200 - 1000 VDC, 320 A V6 : 160 - 480 kW
Súng sạc:	2
Thời gian sạc:	20 - 80% (< 1h)

TRỤ SẠC INJET DÒNG ZF



Nguồn điện đầu vào:	AC380V±15%, 50±5Hz
Nguồn điện đầu ra:	200 - 1000 VDC, 250 A 240 - 400 kW
Súng sạc:	2
Thời gian sạc:	20 - 80% (< 1h)



MÁY XÚC LẬT



CDM833H

- Công suất: 92kW/2200v/p
- Cỡ dài dung tích gầu: 2.3m³
- Khả năng mang tải: 3000kg
- Trọng lượng vận hành: 10500±300kg



CDM835H

- Công suất: 105kW/2200v/p
- Cỡ dài dung tích gầu: 1.8/2.3m³
- Khả năng mang tải: 3500kg
- Trọng lượng vận hành: 11750±300kg



CDM855H

- Công suất: 162kW/2200v/p
- Cỡ dài dung tích gầu: 3.0/4.2m³
- Khả năng mang tải: 5000kg
- Trọng lượng vận hành: 17200±300kg



CDM856H

- Công suất: 162kW/2200v/p
- Cỡ dài dung tích gầu: 3.0/4.2m³
- Khả năng mang tải: 5500kg
- Trọng lượng vận hành: 17500±300kg



CDM863H

- Công suất: 178kW/2000v/p
- Cỡ dài dung tích gầu: 3.8/5.6m³
- Khả năng mang tải: 6500kg
- Trọng lượng vận hành: 22100±300kg



ZL50HC

- Công suất: 162kW/2200v/p
- Cỡ dài dung tích gầu: 3.6m³
- Khả năng mang tải: 5000kg
- Trọng lượng vận hành: 17900±300kg

MÁY XÚC LẬT ĐIỆN



CDM833T-E

- Dung tích pin: 181kWh
- Cỡ dài dung tích gầu: 1.7m³
- Khả năng mang tải: 3000kg
- Trọng lượng vận hành: 10200±300kg



CDM856T-E

- Dung tích pin: 350kWh
- Cỡ dài dung tích gầu: 3.6m³
- Khả năng mang tải: 5500kg
- Trọng lượng vận hành: 18200±300kg



CDM866T-E

- Dung tích pin: 423kWh
- Cỡ dài dung tích gầu: 4.2m³
- Khả năng mang tải: 6500kg
- Trọng lượng vận hành: 22000±300kg

MÁY ĐÀO BÁNH LỚP



CDM6075W

- Công suất động cơ: 55kW
- Dung tích gầu: 0.3m³
- Tốc độ di chuyển: 25 km/h
- Trọng lượng vận hành: 7000kg



CDM6150W

- Công suất động cơ: 112kW
- Dung tích gầu: 0.59m³
- Tốc độ di chuyển: 36 km/h
- Trọng lượng vận hành: 14600kg



CDM6210W

- Công suất động cơ: 112kW
- Dung tích gầu: 1.17m³
- Tốc độ di chuyển: 36 km/h
- Trọng lượng vận hành: 20800kg

XE NÂNG ĐIỆN



N 3-3.5T

- Mô tơ di chuyển: 16,6kw
- Mô tơ nâng hàng: 13,5kw
- Chiều cao nâng: 3m
- Dung tích pin (V/Ah): 80/280



Sản phẩm đa dạng từ 1 tấn - 30 tấn

DÂY CHUYỀN NGHIỀN SÀNG ĐÁ ORMAISE

Công suất từ 90 tấn/h tới 2000 tấn/h

Đòng máy nghiền



Máy nghiền côn



Máy nghiền búa



Máy nghiền đập trực đứng



Máy nghiền hàm nhai

Đòng máy sàng



Sàng rung tròn



Sàng rung

Đòng máy cấp liệu

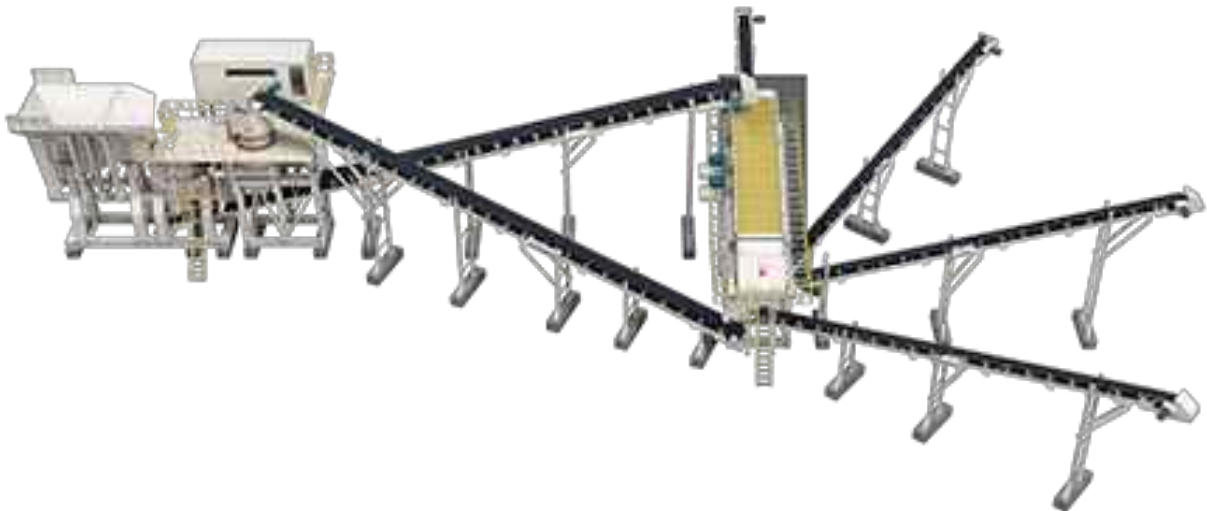


Cấp liệu rung



Cấp liệu Si-lô

Đòng Mô-đun



LỄ KÝ KẾT
HỢP TÁC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH
CÔNG NGHỆ
GTVT UTT



HỘI THẢO
CÀO BỐC TÁI CHẾ
TỔNG CỤC
ĐƯỜNG BỘ

HỘI NGHỊ
MÁY XÂY DỰNG
ĐÃ QUA SỬ DỤNG
HITACHI CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG



LỄ KÝ KẾT
THỎA THUẬN
HỢP TÁC
SANY



TRIỂN LÃM
MÁY XÂY DỰNG
QUỐC TẾ
JAKARTA-INDONESIA



HỘI THẢO
LÀM VIỆC VỚI
CÔNG TY CRCC
TẠI TRUNG QUỐC



LỄ HỘI
MÁY XÂY DỰNG
TẠI ĐỨC



ĐÀO TẠO VOEGELE



ĐÀO TẠO KLEEMANN



ĐÀO TẠO HAMM



ĐÀO TẠO WIRTGEN



ĐÀO TẠO HITACHI



ĐÀO TẠO LONKING



ĐÀO TẠO SANY

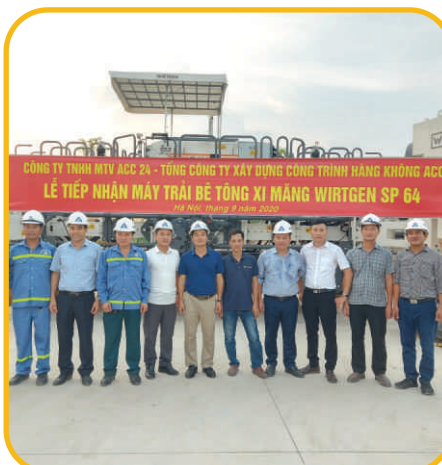


LỄ BÀN GIAO
LÔ MÁY ZX350-5G
DỰ ÁN
LÃNH SỰ QUẢN MỸ



LỄ BÀN GIAO
5 XE BEN MỎ
SANY

BÀN GIAO
MÁY TRẢI SP64 CHO
ACC-AMACCAO
SÂN BAY NỘI BÀI
TÂN SƠN NHẤT



**LỄ BÀN GIAO
81 XE CHỮA CHÁY
CỨU HỘ, XE THANG
BỘ CÔNG AN-CỤC
CS PCCC & CNCH**



**LỄ BÀN GIAO
MÁY TRẢI
BASE S1800-3
KHÁNH VĨNH**



**BÀN GIAO
TRẠM TRỘN BÊ
TÔNG NHỰA NÓNG
BENNINGHOVEN
LICOGI16 / LIZEN**



**BÀN GIAO
LÔ 12 MÁY LU HAMM
CÔNG TY CC1
SÂN BAY
LONG THÀNH**



CUNG CẤP
THIẾT BỊ
NGHIÊN SÀNG ĐÁ
KLEEMANN
LICOGI16 / LIZEN



CUNG CẤP
THIẾT BỊ THI CÔNG
CAO TỐC
BẮC GIANG-
LẠNG SƠN

CUNG CẤP
THIẾT BỊ THI CÔNG
ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 4
HÀ NỘI



**CUNG CẤP
THIẾT BỊ THI CÔNG
CAO TỐC
HẠ LONG-VÂN ĐỒN**



**CUNG CẤP
THIẾT BỊ THI CÔNG
ĐƯỜNG ĐUA
F1-HÀ NỘI**



**CUNG CẤP
THIẾT BỊ THI CÔNG
SÂN BAY
LONG THÀNH**



**CUNG CẤP
THIẾT BỊ THI CÔNG
CAO TỐC
VÂN PHONG-
NHA TRANG**



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

KHAI TRƯỞNG VITRAC NGHỆ AN



TEAM BUILDING GẮN KẾT ĐỘI NGŨ



KHEN THƯỞNG HỌC SINH GIỎI CHÚC THỌ NGƯỜI CAO TUỔI HÀNG NĂM



KỶ NIỆM NGÀY TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM



**CHUNG TAY ỦNG HỘ
ĐỒNG BÀO LŨ LỤT
CƠN BẢO YAGI**



**CHUNG TAY ỦNG HỘ
ĐỒNG BÀO
MIỀN TRUNG LŨ LỤT
LỆ THỦY,
QUẢNG BÌNH**



**TÀI TRỢ KINH PHÍ
XÂY DỰNG
PHÒNG THỜ
BÁC HỒ**



**TÀI TRỢ KINH PHÍ
XÂY DỰNG
KHU DI TÍCH
LỊCH SỬ VĂN HÓA
ĐÌNH VÀNG**



GIẢI PHÁP THI CÔNG

CHO THUÊ THIẾT BỊ



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Trụ sở chính: 135A, Đường Lê Văn Duyệt, KP 8, Phường Trần Biên, Đồng Nai

Năm thành lập: trước 1975

Web: www.vitracvantai.vn

Vốn điều lệ: 42 tỷ VNĐ

Email: info@vitracvantai.vn

Năm 2017 chính thức là công ty con của VITRAC

Đại diện PL: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động vận tải hành khách tuyến cố định và hợp đồng: Tỉnh Đồng Nai đi các tỉnh khác.

Hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt: Nội tỉnh Đồng Nai và đi TP Hồ Chí Minh.

Hoạt động vận tải hàng hóa: Nội tỉnh Đồng Nai.

Tiền thân là Công Ty CP Vận Tải Sonadezi Tổng số phương tiện vận tải: 198 xe



TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH
Văn Phòng Công Ty	135A, Đường Lê Văn Duyệt, KP 8, P. Trần Biên, Đồng Nai	5,400 m ²
Bãi đậu xe Bình Đa	994, Xa Lộ Hà Nội, KP 2, P. Tam Hiệp, Đồng Nai	19,600 m ²
Nhà xưởng Tam Hiệp	21, Đường Đoàn Văn Cự, KP 9, P. Tam Hiệp, Đồng Nai	15,000 m ²
Bãi đậu xe Xuân Bình	Quốc Lộ 1, P. Long Khánh, Đồng Nai	1,500 m ²
Trung tâm logistics	47 Đường Điều Xiển, KP 5B, P. Long Bình, Đồng Nai	17,300 m ²

CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẬU GIANG

Trụ sở chính: 418, Quốc Lộ 1A, Ấp Tân Phú, Xã Đông Phước, TP. Cần Thơ

Năm thành lập: 2006

Vốn điều lệ: 7,199 tỷ VNĐ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Xây dựng công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng, cung cấp bê tông tươi, bê tông nhựa nóng.





CÔNG TY CP BẾN XE & DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỒNG NAI

Trụ sở chính: 988, Xa Lộ Hà Nội, KP 2, P. Tam Hiệp, Đồng Nai

Năm thành lập: 1995

Năm 2020 chính thức là công ty con của VITRAC

Web: benxedongnai.com.vn

Email: dongnaibenxe@gmail.com

Vốn điều lệ: 10.111.770.000 VNĐ

Đại diện PL: Ông Tổng Thanh Hải

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải (Khai thác bến xe, dịch vụ hành khách; Đại lý bán vé máy bay, Tàu hoả; Đại lý bán vé ô tô trong và ngoài tỉnh; Dịch vụ đại lý, Giao nhận vận chuyển, Logistics; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải).

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Hoạt động điều hành Bến xe; Hoạt động quản lý bãi đỗ, Trông giữ phương tiện đường bộ) Vận tải hành khách đường bộ; Dịch vụ lưu trú; Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Hiện nay, công ty đang tổ chức quản lý, điều hành hơn 05 Bến xe, Trạm xe khách liên tỉnh với hơn 5 tuyến xe buýt và hơn 180 tuyến xe cố định nội tỉnh, liên kề, liên tỉnh Bắc Nam.



TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH
Văn Phòng Công Ty	988, Xa Lộ Hà Nội, KP 2, P. Tam Hiệp, Đồng Nai	
Bến xe Đồng Nai	988, Xa Lộ Hà Nội, KP 2, P. Tam Hiệp, Đồng Nai	7,500 m ²
Bến xe Long Khánh	1, Đường Hùng Vương, KP 11, P. Long Khánh, Đồng Nai	10,100 m ²
Bến xe Tân Phú	Khu 2, Xã Tân Phú, Đồng Nai	6,000 m ²
Bến xe Phú Thạnh	Ấp Bàu Sen, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai	26,000 m ²
Bến xe Dầu Giây	Quốc Lộ 1, Ấp Lập Thành, Xã Dầu Giây, Đồng Nai	15,000 m ²

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VĨNH PHÚ

Trụ sở chính: 990 (tầng trệt), Xa lộ Hà Nội, Khu Phố 2, Phường Tam Hiệp, Đồng Nai.

Tiền thân là công ty TNHH Vitrac Long Bình

Năm thành lập: 2021

Vốn điều lệ: 20 tỷ VNĐ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Kinh doanh, đầu tư thiết bị Năng lượng tái tạo, điện áp mái, điện gió, bộ lưu điện công nghiệp và kinh doanh khí công nghiệp LPG, CNG, LNG



Trạm khí CNG VinaCafe & Thép Tây Đô



Bộ lưu điện Công Nghiệp



Trạm sạc Ô tô

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG TUẤN THỊNH PHÁT

VITRAC sở hữu 35% vốn cổ phần

MST: 3603644384

Đ/C: 990, Xa Lộ Hà Nội, Khu Phố 2, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY TNHH VITRAC LÂM ĐỒNG

VITRAC sở hữu trên 30% vốn cổ phần

MST: 5801313268

Đ/C: Thôn 3, Xã Dạ Tẻh 2, Lâm Đồng.

Sở hữu mỏ cát và khai thác cát tại Lâm Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG LÂM NGHIỆP VÙNG NAM BỘ

VITRAC sở hữu 25% vốn cổ phần

MST: 0304977171

Đ/C: 06 Nguyễn Thành Ý, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

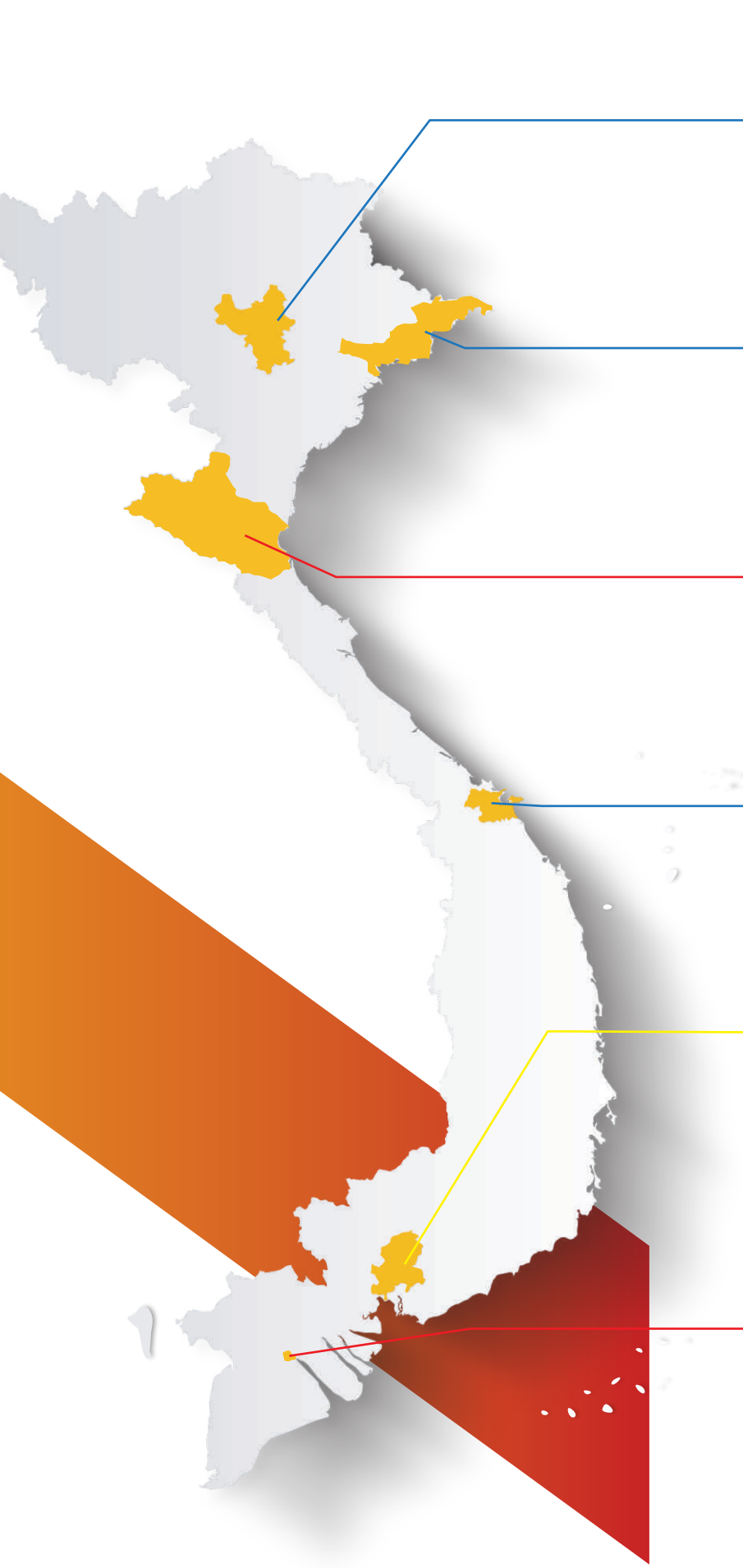
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MIỀN TRUNG

VITRAC sở hữu 11.44% vốn cổ phần

MST: 2900325276

Đ/C: 26, Đường Nguyễn Thái Học, Phường Thành Vinh, Nghệ An





TRUNG TÂM 3S HÀ NỘI



Lô 1, Khu Công Nghiệp Quang Minh,
Xã Quang Minh, TP. Hà Nội



(024) 3556 22 77



vinhphuhamoi@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S QUẢNG NINH



KM8, Tổ 1, Khu 4A,
P. Quang Hanh, T. Quảng Ninh



0916 640 680



vinhphuquangninh@vitrac.vn

TRUNG TÂM 2S NGHỆ AN



KM20+100, Quốc Lộ 1A Tránh Vinh,
Khối 2, P. Trường Vinh, T. Nghệ An



0937 586 008



vinhphunghean@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S ĐÀ NẴNG



Quốc Lộ 1A, Thôn Quang Châu,
P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng.



(023) 6364 4794



vinhphudanang@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S ĐỒNG NAI



Số 990, Xa lộ Hà Nội, Khu phố 2,
P. Tam Hiệp, T. Đồng Nai



(0251) 383 1615



vinhphu@vitrac.vn



www.vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S CẦN THƠ



Lô 29 Lê Hồng Phong, KCN Trà Nóc 1,
P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ



0933 618 010



vinhphucantho@vitrac.vn



WIRTGEN



VÖGELE



HAMM



KLEEMANN

HITACHI



SANY

LONKING 龙工



INJET

SINEXCEL
ISUNA

ZHEKUANG®
HEAVY
INDUSTRY

ORMAISE®

Reliable solutions

PR.VI.VN.0725